BỘ XÂY DỰNG	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 383/QĐ-BXD	*Hà Nội, ngày 11 tháng 04 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 66/NQ-CP của Chính phủ về Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 của Bộ Xây dựng

BỘ TRƯỞNG BỘ XÂY DỰNG

Căn cứ Nghị định số 33/2025/NĐ-CP ngày 25/02/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ về Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Bộ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 66/NQ-CP của Chính phủ về Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 của Bộ Xây dựng.

Điều 2. Các đơn vị chịu trách nhiệm chủ động triển khai nhiệm vụ được giao, đảm bảo chất lượng, tiến độ theo Kế hoạch. Văn phòng Bộ làm đầu mối theo dõi, đôn đốc, tổng hợp tình hình, kết quả thực hiện Kế hoạch.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Vụ trưởng Vụ Khoa học công nghệ, môi trường và Vật liệu xây dựng, Giám đốc Trung tâm Công nghệ thông tin, thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- VPCP (Cục KSTTHC);
- Trung tâm CNTT (để đăng tải);
- Lưu: VT, VP (KSTTHC).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Việt Hùng

KẾ HOẠCH

Thực hiện Nghị quyết số 66/NQ-CP của Chính phủ về Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 của Bộ Xây dựng

(Kèm theo Quyết định số 383 /QĐ-BXD ngày 11 tháng 04năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

I. QUAN ĐIỂM

1. Thực hiện chủ trương của Đảng, Chính phủ về cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính (TTHC), điều kiện đầu tư kinh doanh (ĐKĐTKD), tạo lập môi trường kinh doanh thuận lợi, lành mạnh, công bằng; thúc đẩy đổi mới, sáng tạo; đổi mới quản trị quốc gia theo hướng hiện đại, nâng cao năng lực cạnh tranh, góp phần bảo đảm mục tiêu tăng trưởng và nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước.

2. Lấy người dân, doanh nghiệp là trung tâm, động lực, mục tiêu của sự phát triển; lấy sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp làm thước đo chất lượng phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước; bảo đảm 05 rõ: "rõ người, rõ việc, rõ thời gian, rõ kết quả, rõ trách nhiệm" để đánh giá, đo lường, kiểm tra, giám sát; tăng cường vai trò, trách nhiệm của thủ trưởng cơ quan, đơn vị trong thực hiện nhiệm vụ cắt giảm, đơn giản hóa TTHC.

3. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong thực hiện TTHC, gắn với phân bổ nguồn lực, đề cao trách nhiệm thực thi theo hướng giảm việc giải quyết thủ tục của cơ quan trung ương, "cấp nào sát cơ sở, sát nhân dân nhất thì giao cấp đó giải quyết, không để tình trạng nhiều tầng nấc, kéo dài thời gian giải quyết và gây những nhiễu, tiêu cực"; gắn kết chặt chẽ với ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số, sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy.

4. Tiếp tục đổi mới toàn diện, nâng cao hiệu quả cơ chế một cửa, một cửa liên thông; bảo đảm công khai, minh bạch, tối ưu hóa quy trình, thực hiện TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính; cắt giảm, đơn giản hóa TTHC nội bộ, nâng cao năng suất lao động, hiệu lực, hiệu quả quản lý, tạo chuyển biến mạnh mẽ trong quản trị hành chính của Bộ.

5. Thực hiện đồng bộ, thống nhất, có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với điều kiện thực tiễn; kế thừa, phát huy những thành tựu đã đạt được, tiếp thu kinh nghiệm quốc tế để vận dụng hiệu quả; huy động, sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực, sự tham gia của các chuyên gia, doanh nghiệp, tạo đồng thuận xã hội, củng cố niềm tin của Nhân dân.

II. MỤC TIÊU NĂM 2025

Kế thừa các kết quả đạt được của Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 12/5/2020 của Chính phủ ban hành Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan

đến hoạt động kinh doanh giai đoạn 2020 - 2025, tiếp tục tập trung rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa TTHC, ĐKĐTKD, đạt mục tiêu cụ thể như sau:

1. Cắt giảm, đơn giản hoá ngay TTHC liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh bảo đảm bãi bỏ ít nhất 30% ĐKĐTKD không cần thiết; giảm ít nhất 30% thời gian giải quyết của các TTHC, 30% chi phí tuân thủ TTHC.

2. 100% TTHC liên quan đến doanh nghiệp được thực hiện trực tuyến, thông suốt, liền mạch, hiệu quả, bảo đảm minh bạch, giảm tối đa giấy tờ.

3. 100% TTHC được thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi cấp tỉnh.

4. Hoàn thành việc thực thi 100% phương án về phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC đã được phê duyệt tại Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 30/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

5. 100% TTHC nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước và trong từng cơ quan hành chính nhà nước được rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục, thời gian giải quyết, chi phí thực hiện và sửa đổi, hoàn thiện để phù hợp với việc thực hiện tinh gọn, sắp xếp bộ máy, đồng thời bảo đảm thông suốt, hiệu quả.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

(*Chi tiết tại Phụ lục kèm theo*).

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện được bố trí trong dự toán chi ngân sách nhà nước hàng năm của Bộ Xây dựng.

2. Khuyến khích việc huy động theo quy định của pháp luật các nguồn kinh phí ngoài ngân sách nhà nước để triển khai Kế hoạch.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Văn phòng Bộ, các Vụ, Cục thuộc Bộ, Trung tâm Công nghệ thông tin:

a) Xác định việc thực hiện Kế hoạch là nhiệm vụ trọng tâm năm 2025. Chủ động triển khai các nhiệm vụ, giải pháp đúng tiến độ, đảm bảo chất lượng và đạt được mục tiêu của Kế hoạch. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng về kết quả thực hiện Kế hoạch.

b) Gửi Phương án cắt giảm, đơn giản hóa TTHC liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh để lấy ý kiến Bộ Tài chính, bộ, cơ quan, địa phương liên quan và Hội đồng tư vấn cải cách TTHC của Thủ tướng Chính phủ trước khi trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

c) Chủ động đề xuất sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ các quy định, TTHC tại các văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL), áp dụng hình thức một văn bản sửa đổi nhiều

văn bản theo trình tự, thủ tục rút gọn theo quy định pháp luật về xây dựng, ban hành VBQPPL để thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa TTHC liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh.

d) Định kỳ tháng, quý, năm, các đơn vị báo cáo tình hình, kết quả thực hiện các nhiệm vụ được giao (*là một nội dung riêng trong báo cáo kiểm soát TTHC, báo cáo cải cách TTHC*), gửi Văn phòng Bộ để tổng hợp, tham mưu cho Bộ trưởng gửi Văn phòng Chính phủ tổng hợp, báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

2. Vụ Kế hoạch - Tài chính: Ưu tiên, tập trung bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch từ ngân sách chi thường xuyên của Bộ theo quy định để thực hiện Kế hoạch./.

Phụ lục

CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 383 /QĐ-BXD ngày 11 tháng 04 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Đơn vị tổng hợp	Đơn vị thực hiện	Thời gian hoàn thành
I	**Cắt giảm, đơn giản hóa TTHC (liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh), ĐKĐTKD**			
1	*Rà soát các văn bản quy phạm pháp luật, tổng hợp, thống kê Danh mục TTHC (liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh), ĐKĐTKD*			
1.1	Tổng hợp, thống kê Danh mục TTHC, thời gian giải quyết, chi phí tuân thủ của các TTHC liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh (*theo Mẫu số 01*).	Văn phòng Bộ	Các Vụ, Cục thuộc Bộ	Các Vụ, Cục gửi cơ quan tổng hợp *(Văn phòng Bộ, Vụ Pháp chế, Vụ Khoa học công nghệ, môi trường và VLXD)* trước ngày 20/4/2025.
1.2	Tổng hợp, thống kê Danh mục quy định về chế độ báo cáo của doanh nghiệp (*theo Mẫu số 02*).			
1.3	Tổng hợp, thống kê Danh mục quy định về điều kiện kinh doanh, chi phí tuân thủ các ĐKĐTKD (*theo Mẫu số 03*).	Vụ Pháp chế	Các Vụ, Cục thuộc Bộ	
1.4	Tổng hợp, thống kê Danh mục các quy định về kiểm tra chuyên ngành đối với sản phẩm, hàng hóa theo các quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn bắt buộc áp dụng (*theo Mẫu số 04*).	Vụ Khoa học công nghệ, môi trường và VLXD	Các Vụ, Cục thuộc Bộ	

1.5	Tổng hợp, báo cáo Lãnh đạo Bộ Danh mục TTHC (liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh), ĐKĐTKD, chế độ báo cáo, các quy định về kiểm tra chuyên ngành đối với sản phẩm, hàng hóa thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng	Văn phòng Bộ	Vụ Pháp chế (đối với ĐKĐTKD) , Vụ Khoa học công nghệ, môi trường và VLXD (đối với quy định về kiểm tra chuyên ngành)	- Vụ Pháp chế, Vụ Khoa học công nghệ, môi trường và Vật liệu xây dựng gửi Văn phòng Bộ Danh mục trước ngày 25/4/2025. - Văn phòng Bộ tổng hợp, báo cáo Lãnh đạo Bộ trước ngày 30/4/2025.
2	*Xây dựng Phương án cắt giảm, đơn giản hóa TTHC (liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh), ĐKĐTKD (theo Mẫu số 05)*			
2.1	Rà soát, đề xuất Bộ trưởng Bộ Xây dựng chủ động cắt giảm, đơn giản hóa TTHC liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh trong xây dựng, ban hành VBQPPL hoặc xây dựng Phương án trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, đảm bảo cắt giảm, đơn giản hóa ít nhất 30% TTHC liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh *(tập trung nghiên cứu theo hướng: chuyển từ tiền kiểm sang hậu kiểm; đơn giản hoá TTHC trên cơ sở ứng dụng công nghệ, tái sử dụng thông tin, dữ liệu đã được số hoá, lưu trữ trong các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành và liên thông điện tử; gắn với sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy, phân cấp, phân quyền giải quyết TTHC; chuyển một số hoạt động trước khi cấp phép (như: đào tạo, sát hạch, kiểm nghiệm,*	Văn phòng Bộ	Các Vụ, Cục thuộc Bộ	- Các Vụ, Cục hoàn thành việc cắt giảm, đơn giản hóa/Phương án và báo cáo/gửi cơ quan tổng hợp trước ngày 30/5/2025. - Văn phòng Bộ gửi xin ý kiến bộ, ngành, địa phương và Hội đồng TVCCTTHC của Thủ tướng Chính phủ và tổng hợp trước ngày 20/6/2025.

	thử nghiệm,...) hoặc một số thủ tục cấp phép dựa trên kết quả đánh giá, thẩm định theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đã được ban hành mà Nhà nước không nhất thiết phải thực hiện cho doanh nghiệp, các tổ chức xã hội đảm nhiệm).			
2.2	Rà soát, đề xuất Bộ trưởng Bộ Xây dựng chủ động cắt giảm, đơn giản hóa chế độ báo cáo của doanh nghiệp trong xây dựng, ban hành VBQPPL hoặc xây dựng Phương án trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, đảm bảo cắt giảm, đơn giản hóa ít nhất 30% chế độ báo cáo của doanh nghiệp.			
2.3	Rà soát, đề xuất Bộ trưởng Bộ Xây dựng chủ động cắt giảm, đơn giản hóa ĐKĐTKD trong xây dựng, ban hành VBQPPL hoặc xây dựng Phương án trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, đảm bảo cắt giảm, đơn giản hóa ít nhất 30% điều kiện đầu tư kinh doanh không cần thiết *(tập trung nghiên cứu theo hướng cắt giảm, sửa đổi: điều kiện đầu tư kinh doanh mâu thuẫn, chồng chéo hoặc chung chung, không cụ thể, không rõ ràng, không thể định lượng; điều kiện đầu tư kinh doanh của*	Vụ Pháp chế	Các Vụ, Cục thuộc Bộ	- Các Vụ, Cục hoàn thành việc cắt giảm, đơn giản hóa/Phương án và báo cáo/gửi Vụ Pháp chế trước ngày 30/5/2025. - Vụ Pháp chế tổng hợp gửi Văn phòng Bộ trước ngày 05/6/2025 - Văn phòng Bộ gửi xin ý kiến bộ, ngành, địa phương và Hội đồng TVCCTTHC của Thủ tướng Chính phủ và tổng hợp trước ngày 20/6/2025.

	các ngành, nghề không thuộc danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện theo quy định của Luật Đầu tư; thu hẹp phạm vi các ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện không đáp ứng được các quy định, tiêu chí của Luật Đầu tư; cắt giảm đối tượng tuân thủ, tần suất thực hiện, kéo dài hoặc bãi bỏ thời gian có hiệu lực của các giấy tờ[1]).			
2.4	Rà soát, đề xuất Bộ trưởng Bộ Xây dựng chủ động cắt giảm, đơn giản hóa quy định về kiểm tra chuyên ngành đối với sản phẩm, hàng hóa theo các quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn bắt buộc áp dụng trong xây dựng, ban hành VBQPPL hoặc xây dựng Phương án trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, đảm bảo cắt giảm, đơn giản hóa ít nhất 30% các quy định về kiểm tra chuyên ngành đối với sản phẩm, hàng hóa theo các quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn bắt buộc áp dụng *(tập trung nghiên cứu theo hướng chuyển từ tiền kiểm sang hậu kiểm hoặc thống nhất một đầu mối*	Vụ Khoa học công nghệ, môi trường và VLXD	Các Vụ, Cục thuộc Bộ	- Các Vụ, Cục hoàn thành việc cắt giảm, đơn giản hóa/Phương án và báo cáo/gửi Vụ Khoa học công nghệ, môi trường và VLXD trước ngày 30/5/2025. - Vụ Khoa học công nghệ, môi trường và VLXD tổng hợp gửi Văn phòng Bộ trước ngày 05/6/2025 - Văn phòng Bộ gửi xin ý kiến bộ, ngành, địa phương và Hội đồng TVCCTTHC của Thủ tướng Chính phủ và tổng hợp trước ngày 20/6/2025.

[1] Điểm (iv) khoản đ mục 1 phần III Điều 1 Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ quy định "Rà soát, đề xuất phương án bãi bỏ điều kiện đầu tư kinh doanh không cần thiết, không hợp pháp được áp dụng theo hình thức giấy phép, giấy chứng nhận, chứng chỉ, văn bản xác nhận, văn bản chấp thuận; hoặc đơn giản hóa điều kiện đầu tư kinh doanh không hợp lý theo hướng cắt giảm đối tượng tuân thủ, tần suất thực hiện, kéo dài hoặc bãi bỏ thời gian có hiệu lực của các giấy tờ trên".

	kiểm tra chuyên ngành đối với sản phẩm, hàng hóa chịu sự kiểm tra của nhiều cơ quan, đơn vị; điện tử hóa chế độ báo cáo của doanh nghiệp).			
2.5	Trình Bộ trưởng/Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Phương án cắt giảm, đơn giản hóa TTHC, chế độ báo cáo, ĐKĐTKD, quy định về kiểm tra chuyên ngành đối với sản phẩm, hàng hóa.	Văn phòng Bộ	Văn phòng Bộ	Trước 30/6/2025
2.6	Hoàn thành điện tử hóa chế độ báo cáo của doanh nghiệp *(các chế độ báo cáo của doanh nghiệp được thực hiện hoàn toàn trên môi trường điện tử)*	Trung tâm Công nghệ Thông tin	Trung tâm Công nghệ Thông tin chủ trì, phối hợp Văn phòng Bộ, các Vụ, Cục thuộc Bộ	Năm 2025-2026
II	**Cắt giảm, đơn giản hóa TTHC nội bộ**			
1	*Đối với TTHC nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng*			
1.1	Công bố, công khai trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính (CSDLQGTTHC) đầy đủ các TTHC nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước (*cập nhật, bổ sung danh mục đã công bố*).	Văn phòng Bộ	Các Vụ, Cục thuộc Bộ	- Các vụ, cục rà soát, dự thảo nội dung công bố *(nếu có cập nhật bổ sung)* gửi Văn phòng Bộ trước 23/4/2025. - Văn phòng Bộ tổng hợp, báo cáo Bộ trưởng ký công bố *(nếu có cập nhật bổ sung)* trước 25/4/2025. - Các vụ, cục hoàn thành việc công khai trên CSDLQGTTHC *(nếu có*

				cập nhật bổ sung) trước 30/4/2025.
1.2	Rà soát, chủ động cắt giảm, đơn giản hóa trong quá trình xây dựng, ban hành văn bản, hoặc xây dựng Phương án cắt giảm, đơn giản hoá ít nhất 30% TTHC nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước. Trong đó, lưu ý phân cấp, phân quyền triệt để, toàn diện, nhất là đối với các TTHC phải xin ý kiến hoặc báo cáo các cơ quan cấp trên đồng ý trước khi quyết định (*đang lấy ý kiến các đơn vị thuộc Bộ*).	Văn phòng Bộ	Các Vụ, Cục thuộc Bộ	- Các Vụ, Cục xây dựng Phương án cắt giảm, đơn giản hoá *(cập nhật, bổ sung nếu có)* và gửi Văn phòng Bộ trước ngày 30/5/2025; hoặc chủ động cắt giảm, đơn giản hóa TTHC nội bộ trong xây dựng, ban hành văn bản *(nếu có*), gửi báo cáo về Văn phòng Bộ trước ngày 30/6/2025. - Văn phòng Bộ tổng hợp, gửi lấy ý kiến (*nếu có*) trước ngày 15/6/2025. - Văn phòng Bộ tổng hợp ý kiến, hoàn thiện, trình Bộ trưởng hoặc trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Phương án trước ngày 30/6/2025.
1.3	Hoàn thành thực thi các phương án cắt giảm, đơn giản hóa TTHC nội bộ.	Văn phòng Bộ	Các Vụ, Cục thuộc Bộ	Theo Phương án được phê duyệt
2	*Đối với TTHC nội bộ trong Bộ Xây dựng*			
2.1	Công bố, công khai đầy đủ các TTHC nội bộ (*cập nhật, bổ sung danh mục đã công bố*).	Văn phòng Bộ	Các Vụ, Cục thuộc Bộ	- Các vụ, cục rà soát, dự thảo nội dung công bố *(nếu có cập nhật bổ sung)* gửi Văn phòng Bộ trước 23/4/2025. - Văn phòng Bộ tổng hợp, báo cáo Bộ trưởng ký công bố *(nếu có cập nhật bổ sung)* trước 25/4/2025. - Các vụ, cục hoàn thành việc công

				khai trên CSDLQGTTHC *(nếu có cập nhật bổ sung)* trước 30/4/2025.
2.2	Hoàn thành thực thi các phương án cắt giảm, đơn giản hóa TTHC nội bộ.	Văn phòng Bộ	Các Vụ, Cục thuộc Bộ	Theo lộ trình tại Phương án được phê duyệt
2.3	Tái cấu trúc quy trình các TTHC nội bộ để thực hiện trên môi trường điện tử (*xây dựng quy trình nội bộ*).	Văn phòng Bộ	Các Vụ, Cục thuộc Bộ	Năm 2025 - 2026
	Xây dựng, hoàn thiện, quản lý vận hành, hướng dẫn thực hiện các quy trình trên môi trường điện tử theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 137/2024/NĐ-CP, bảo đảm kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành, xây dựng mô hình cơ quan hành chính nhà nước số.	Trung tâm Công nghệ thông tin	Trung tâm Công nghệ thông tin	
III	**Đẩy mạnh thực hiện TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính**			
1	*Đẩy mạnh cung cấp TTHC trên môi trường điện tử đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết hoặc được cung cấp dịch vụ công trực tuyến thống nhất toàn quốc*			
1.1	Rà soát, tái cấu trúc quy trình, nâng cao chất lượng cung cấp TTHC trên môi trường điện tử trên cơ sở tái sử dụng thông tin, dữ liệu đã được số hóa, sử dụng biểu mẫu điện tử tương tác để cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình.	Trung tâm Công nghệ thông tin	Các Vụ, Cục thuộc Bộ (Văn phòng Bộ phối hợp hướng dẫn việc rà soát, tái cấu trúc quy trình)	Trước 31/12/2025 (đối với TTHC liên quan đến doanh nghiệp).

1.2	Thực hiện số hóa 100% hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC.	Văn phòng Bộ	Các Vụ, Cục thuộc Bộ.	Trước 31/12/2025 (đối với TTHC liên quan đến doanh nghiệp).
	Hoàn thành xây dựng, nâng cấp, phát triển các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành bảo đảm dữ liệu "đúng, đủ, sạch, sống", kết nối, chia sẻ dữ liệu phục vụ thực hiện TTHC, cung cấp dịch vụ công.	Trung tâm Công nghệ thông tin	Trung tâm Công nghệ thông tin	
1.3	Hoàn thiện, nâng cấp Hệ thống thông tin giải quyết TTHC Bộ Xây dựng.	Trung tâm Công nghệ thông tin	Trung tâm Công nghệ thông tin	Năm 2025
2	*Đổi mới toàn diện việc tiếp nhận, giải quyết, trả kết quả thực hiện TTHC theo hướng không phụ thuộc vào địa giới hành chính*			
2.1	Rà soát, đánh giá các điều kiện đảm bảo (hạ tầng, hệ thống công nghệ thông tin, nhân lực....).	Trung tâm Công nghệ thông tin	Trung tâm Công nghệ thông tin	Năm 2025
	Xây dựng phương án sửa đổi các quy định yêu cầu người dân, doanh nghiệp phải đến thực hiện thủ tục hành chính tại nơi cư trú hoặc nơi đóng trụ sở hoặc nơi cấp kết quả giải quyết lần đầu để mở rộng thẩm quyền tiếp nhận, trả kết quả thủ tục hành chính hoặc tiếp nhận, giải quyết, trả kết quả thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính, nhất là đối với những TTHC có thời gian giải quyết trong ngày làm việc.	Văn phòng Bộ	Các vụ, cục thuộc Bộ	

	Xây dựng quy trình nội bộ.	Văn phòng Bộ	Các Vụ, Cục thuộc Bộ	
2.2	Xây dựng quy trình điện tử TTHC để đảm bảo tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính thuộc phạm vi cấp tỉnh. Tiếp tục điều chỉnh hoặc mở rộng quy trình nội bộ, quy trình điện tử để thực hiện tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi toàn quốc.	Trung tâm CNTT	Trung tâm Công nghệ thông tin	Năm 2025
2.3	Rà soát tình hình thực tế và năng lực của doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích để thực hiện cơ chế giao doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích đảm nhận một hoặc một số công việc trong quá trình hướng dẫn, tiếp nhận, số hóa hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC, nhằm nâng cao hiệu quả cung ứng dịch vụ hành chính công.	Văn phòng Bộ	Văn phòng Bộ, các Vụ, Cục thuộc Bộ	Năm 2025
2.4	Đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng cho cán bộ, công chức, viên chức.	Vụ Tổ chức cán bộ	Các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ	Năm 2025
2.5	Phát triển nhân lực số.	Trung tâm Công nghệ	Các cơ quan, đơn vị	Năm 2025

		thông tin	thuộc Bộ	
2.6	Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho người dân, doanh nghiệp và xã hội.	Văn phòng Bộ	Các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ	Năm 2025

Mẫu số 01

DANH MỤC TTHC LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT, KINH DOANH

(Kèm theo Quyết định số 383/QĐ-BXD ngày 11 tháng 04 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

1. Tổng hợp số lượng thủ tục hành chính

TT	Lĩnh vực	Tổng số TTHC thuộc phạm vi quản lý	TTHC liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của đơn vị				
			Cấp bộ	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã	Cơ quan khác
Ví dụ:	Hàng không	100	2	80	0	0	18
Tổng							

2. Danh sách chi tiết thủ tục hành chính

TT	Tên TTHC	Mã TTHC	Lĩnh vực	Cấp thực hiện	Đủ điều kiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình	Thời gian có hiệu lực của kết quả giải quyết TTHC	Căn cứ pháp lý (ghi rõ đến Điều)	Thời gian giải quyết *(ghi rõ ngày làm việc, ngày, giờ theo TTHC quy định)*	Tổng số đối tượng tuân thủ/năm	Chi phí tuân thủ TTHC (hiện tại) *(ĐVT: Đồng. Lưu ý không sử dụng dấu ./, để ngăn cách số liệu)*
Ví dụ	Thủ tục Cấp giấy phép năng định	1.00023	Hàng không	Cấp bộ	Đủ điều kiện	2 năm	Điều 1, Luật ….	2 ngày làm việc	30	4000000000

Mẫu số 02

MẪU 4: DANH MỤC THỐNG KÊ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO CỦA DOANH NGHIỆP

(Kèm theo Quyết định số 383 /QĐ-BXD ngày 11 tháng 04 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

TT	Tên chế độ báo cáo	Lĩnh vực	Tình trạng cung cấp báo cáo điện tử			Căn cứ pháp lý (ghi rõ đến Điều)
			Chưa thực hiện	Đã thực hiện	Tên hệ thống thông tin/ Cơ sở dữ liệu để thực hiện báo cáo điện tử	
Ví dụ	Báo cáo về…	Quy hoạch, kiến trúc		x	Hệ thống A	Điều A, Nghị định ….....

Mẫu số 03

DANH MỤC ĐIỀU KIỆN ĐẦU TƯ KINH DOANH

(Kèm theo Quyết định số 383 /QĐ-BXD ngày 11 tháng 04 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

1. Tổng hợp các quy định về thủ tục hành chính

TT	Ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện	Lĩnh vực hoạt động	Điều kiện đầu tư kinh doanh được áp dụng theo hình thức giấy phép, giấy chứng nhận, chứng chỉ, văn bản xác nhận, chấp thuận (TTHC)	Số lượng điều kiện kinh doanh
Ví dụ	Kinh doanh dịch vụ thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng	Xây dựng cơ bản		
	Hành nghề cá nhân	*Thiết kế xây dựng công trình*	*Cấp mới chứng chỉ hành*	*15*
		Thiết kế cơ - điện công trình		*15*
Tổng số				

2. Danh mục chi tiết điều kiện kinh doanh

TT	Ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện	Lĩnh vực hoạt động	Thủ tục hành chính	Số lượng điều kiện kinh doanh	Quy chuẩn, Tiêu chuẩn kỹ thuật để đánh giá (nếu có)	Căn cứ pháp lý (Ghi đến Điểm)
Ví dụ	*Hành nghề cá nhân*			30		

3. Danh mục điều kiện kinh doanh không thuộc ngành nghề kinh doanh có điều kiện theo Luật Đầu tư

TT	Lĩnh vực hoạt động	Điều kiện kinh doanh (Điều kiện mà cá nhân, tổ chức phải đáp ứng khi thực hiện hoạt động đầu tư kinh	Thủ tục hành chính	Quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật để đánh giá (nếu có)	Căn cứ pháp lý (ghi đến Điều

Ví dụ	Kinh doanh dịch vụ logistics, bao gồm: 1. Các dịch vụ xếp dỡ container (trừ dịch vụ cung cấp tại các sân bay); 2. Dịch vụ kho bãi container thuộc dịch vụ hỗ trợ vận tải biển; 3. Dịch vụ kho bãi thuộc dịch vụ hỗ trợ mọi phương thức vận tải; 4. Dịch vụ chuyển phát; 5. Dịch vụ đại lý vận tải hàng hóa.	Điệu kiện kinh doanh dịch vụ logistics 1. Thương nhân kinh doanh các dịch vụ cụ thể thuộc dịch vụ logistics quy định tại Điều 3 Nghị định này phải đáp ứng các điều kiện đầu tư, kinh doanh theo quy định của pháp luật đối với dịch vụ đó. 2. Thương nhân tiến hành một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh logistics bằng phương tiện điện tử có kết nối mạng....ngoài việc đáp ứng theo quy định của pháp luật đối với các dịch vụ cụ thể, còn phải tuân thủ các quy định về thương mại điện tử	1. Thủ tục công nhận hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan	Không	Điều 5, Nghị định 163/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ logistics

TỔNG HỢP THỐNG KÊ ĐIỀU KIỆN KINH DOANH

Điều 79. Điều kiện chung để được cấp chứng chỉ hành nghề

Cá nhân được cấp chứng chỉ hành nghề khi đáp ứng các điều kiện chung như sau:

1. Có đủ năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật; có giấy tờ về cư trú hoặc giấy phép lao động tại Việt Nam đối với người nước ngoài và người Việt Nam định cư ở nước ngoài.

2. Có trình độ chuyên môn phù hợp theo quy định tại Phụ lục VI Nghị định này, thời gian kinh nghiệm tham gia công việc phù hợp với nội dung đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề như sau:

a) Hạng I: Có trình độ đại học thuộc chuyên ngành hoặc chuyên môn đào tạo phù hợp, có thời gian kinh nghiệm tham gia công việc phù hợp với nội dung đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề từ 07 năm trở lên;

b) Hạng II: Có trình độ đại học thuộc chuyên ngành hoặc chuyên môn đào tạo phù hợp, có thời gian kinh nghiệm tham gia công việc phù hợp với nội dung đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề từ 04 năm trở lên;

c) Hạng III: Có chuyên ngành hoặc chuyên môn đào tạo phù hợp, có thời gian kinh nghiệm tham gia công việc phù hợp với nội dung đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề từ 02 năm trở lên đối với cá nhân có trình độ đại học; từ 03 năm trở lên đối với cá nhân có trình độ cao đẳng.

3. Có kinh nghiệm nghề nghiệp phù hợp với hạng và lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề trong vòng 10 năm gần nhất tính đến thời điểm đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề. Trường hợp sử dụng kinh nghiệm nghề nghiệp phù hợp nhưng quá 10 năm thì được đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề thấp hơn 01 hạng tại cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại Điều 77 Nghị định này.

4. Có kết quả sát hạch đạt yêu cầu phù hợp với hạng và lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề trong trường hợp cấp mới chứng chỉ hành nghề theo quy định tại các điểm a, d khoản 1 Điều 75 Nghị định này.

5. Thời gian kinh nghiệm tham gia công việc phù hợp quy định tại khoản 2 Điều này được tính từ thời điểm cá nhân tham gia hoạt động xây dựng thể hiện tại đơn đề nghị cấp/chuyển đổi chứng chỉ hành nghề hoặc hợp đồng lao động hoặc xác nhận của bên sử dụng lao động hoặc bảo hiểm xã hội hoặc các giấy tờ tương tự.

Điều 82. Điều kiện kinh nghiệm nghề nghiệp để được cấp chứng chỉ hành nghề thiết kế xây dựng

Cá nhân được xét cấp chứng chỉ hành nghề thiết kế xây dựng khi đáp ứng điều kiện chung quy định tại Điều 79 Nghị định này và điều kiện kinh nghiệm nghề nghiệp tương ứng với các hạng chứng chỉ hành nghề như sau:

1. Hạng I: Đã làm chủ nhiệm hoặc chủ trì thiết kế xây dựng, thẩm tra thiết kế xây dựng phần việc thuộc nội dung đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề 01 công trình từ cấp I trở lên hoặc 02 công trình cấp II.

2. Hạng II: Đã làm chủ nhiệm hoặc chủ trì thiết kế xây dựng, thẩm tra thiết kế xây dựng phần việc thuộc nội dung đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề 01 công trình cấp II hoặc 02 công trình cấp III.

3. Hạng III: Đã tham gia thiết kế hoặc thẩm tra thiết kế xây dựng phần việc thuộc nội dung đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề 03 công trình từ cấp III trở lên hoặc 05 công trình cấp IV.

Khoản 3 Điều 79 có 05 điều kiện kinh doanh (1- có kinh nghiệm nghề nghiệp được quy định chi tiết thành 03 điều kiện kinh doanh cụ thể tại Điều 82; 2 – 02 điều kiện kinh doanh về thời hạn thực hiện hoạt động chuyên môn tính đến thời điểm đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề

Mẫu số 04

CÁC QUY ĐỊNH VỀ KIỂM TRA CHUYÊN NGÀNH ĐỐI VỚI SẢN PHẨM, HÀNG HÓA THEO CÁC QUY CHUẨN KỸ THUẬT, TIÊU CHUẨN BẮT BUỘC ÁP DỤNG

(Kèm theo Quyết định số 383 /QĐ-BXD ngày 11 tháng 04 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

1. Tổng hợp số lượng thủ tục hành chính, sản phẩm, hàng hóa kiểm tra chuyên ngành

TT	Lĩnh vực	Số lượng sản phẩm, hàng hóa kiểm tra chuyên ngành	Số TTHC kiểm tra chuyên ngành
Ví dụ:	Hàng không	200	10
Tổng			

2. Danh mục chi tiết thủ tục hành chính, sản phẩm, hàng hóa kiểm tra chuyên ngành

TT	Lĩnh vực	Tên sản phẩm, hàng hóa	Mã số HS	Tên TTHC kiểm tra chuyên ngành	Tên quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng để KTCN (nếu có)	Căn cứ pháp lý (ghi rõ đến Điều)
Ví dụ	Đăng kiểm	Đăng kiểm xe ….		Thủ tục Đăng kiểm ….	Đủ điều kiện	

3. Tổng hợp số lượng thủ tục hành chính quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn bắt buộc áp dụng

TT	Lĩnh vực	Tên Quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật	Số lượng thủ tục hành chính	Số lượng TTHC đã được công bố, công khai	Số lượng TTHC chưa được công bố, công khai

4. Danh mục chi tiết thủ tục hành chính quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn bắt buộc áp dụng

TT	Tên Quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật	Tên thủ tục hành chính		Tình trạng công bố, công khai		Căn cứ pháp lý (ghi rõ đến Điều)
				Đã công bố, công khai	*Chưa công bố, công khai*	
				Ghi rõ mã số TTHC		
					x	

Mẫu số 05

PHƯƠNG ÁN CẮT GIẢM, ĐƠN GIẢN HÓA
(TTHC liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh/điều kiện đầu tư kinh doanh/chế độ báo cáo của doanh nghiệp/quy định kiểm tra chuyên ngành đối với sản phẩm, hàng hóa theo các quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn bắt buộc áp dụng)

(Kèm theo Quyết định số 383/QĐ-BXD ngày 11 tháng 04 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

1. Thủ tục hành chính/ điều kiện đầu tư kinh doanh/chế độ báo cáo/quy định kiểm tra chuyên ngành A

1.1. Nội dung đơn giản hóa *(nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế TTHC, ĐKĐTKD,chế độ báo cáo, quy định kiểm tra chuyên ngành, mẫu đơn, tờ khai hay yêu cầu điều kiện để thực hiện TTHC)*

a)……..

- Nội dung cắt giảm/đơn giản hóa:……

- Lý do:……

b)…….

1.2. Kiến nghị thực thi

- Nêu rõ điều, khoản, điểm, văn bản quy phạm pháp luật cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc hủy bỏ.

- Lộ trình thực hiện.

1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi đơn giản hóa: ……đồng/năm

- Chi phí tuân thủ sau khi đơn giản hóa: .....đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: …… đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: .... %.

2. Thủ tục hành chính/ điều kiện đầu tư kinh doanh/chế độ báo cáo/quy định kiểm tra chuyên ngành B